

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

Tập 43

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 18 tháng 05 năm 2010

Địa điểm: Tịnh tông học viện Úc Châu

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 45, dòng thứ 2.

Đây là đoạn cuối cùng của phần Căn Khí Được Độ. “*Pháp môn này khéo độ các căn, như Yếu Giải nói: Thượng thượng căn chẳng vượt khỏi ngưỡng này, hạ hạ căn cũng có thể đạt đến. Phạm thánh cùng thâu, lợi độn đều được độ*”. Đây là kết luận cuối cùng, tổng kết pháp môn này xác thực là phương tiện rốt ráo của Như Lai. Rốt ráo ở đây cũng có nghĩa là viên mãn, không có mảy may khiếm khuyết, viên mãn không gì bằng, bất kể người căn tánh thế nào cũng đều thích hợp, tu học pháp môn này đều có thể thành tựu, điều này không thể nghĩ bàn. Đại sư Ngẫu Ích nói trong Yếu Giải: “Thượng thượng căn chẳng vượt khỏi ngưỡng này”, câu này hay, nói rất hay. Ngưỡng là gì? Ở đây có nghĩa là phạm vi, bạn không thể ra khỏi phạm vi của nó, phạm vi của nó quá lớn, khắp pháp giới hư không giới; “hạ hạ căn cũng có thể đạt đến”, đạt đến là đạt tới, cũng có thể đạt đến cảnh giới của Phật. Đại sư Ngẫu Ích không phải là người bình thường, cuốn Yếu Giải mà ngài chú giải tuy chỉ dùng thời gian 9 ngày, phía sau có lời bạt nói thời gian 9 ngày là viết xong. Đại sư Ấn Quang tán thán cuốn Yếu Giải này, nói rằng “cho dù cổ Phật tái lai làm chú giải cho kinh Di-đà thì cũng chẳng thể hay hơn”, lời tán thán này đã tán thán đến đỉnh điểm. Năm xưa tôi ở Singapore, có lần pháp sư Diễn Bồi nêu ra vấn đề này đề hỏi tôi, ngài nói đại sư Ấn Quang tán thán sách Yếu Giải có phải là hơi quá chăng? Đã hỏi tôi vấn đề như vậy. Tôi trả lời ngài rằng, tôi nói sự tán thán của Ấn tổ không quá đáng chút nào, tán thán rất thỏa đáng, đây là lời thật. Đời này chúng ta may mắn, còn gặp được cơ hội thù thắng như vậy, chỉ cần có thể tin đến nơi, thật tin, y giáo phụng hành thì đời này cũng có thể đạt đến, chúng ta cũng có thể đạt đến cõi Thật báo trang nghiêm của Di-đà Như Lai. Cho nên, hai câu mà đại sư Ngẫu Ích tán thán kinh A-di-đà cũng giống như đại sư Ấn Quang tán thán sách Yếu Giải vậy, đều tán thán đến mức viên mãn, đến mức rốt ráo như vậy. Chỉ cần có một chút

thiện căn nhỏ, sau khi gặp được thì có thể sanh tâm hoan hỷ, phát nguyện y giáo phụng hành, cho nên pháp môn này xác thực là phàm thánh cùng nhau, lợi là thượng căn, độn là hạ căn, lợi căn hay độn căn thấy đều có phần.

“Di-đà Sớ Sao nói: Pháp môn này nhiếp trọn các căn lợi độn, thấy đều độ thoát”. Đây là lời của đại sư Liên Trì, đây là ba vị đại sĩ trung hưng Tịnh độ tông, đại sư Liên Trì là vị thứ nhất, kế đến là đại sư Ngẫu Ích, tiếp theo là đại sư U Khê soạn Viên Trung Sao. Cuối đời Minh đầu đời Thanh, Tịnh tông được phục hưng là nhờ ba vị đại đức này. Trong Sớ Sao nói: “Nhiếp trọn các căn lợi độn”, đây là hết thấy căn tánh, từ thượng thượng căn đến hạ hạ căn, thấy đều độ thoát, những lời này đều là nói về phương tiện rốt ráo. *“Lại nói”*, đại sư Liên Trì nói: *“Các pháp môn khác”*, câu này là nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều bao gồm hết trong câu nói này, ngoài pháp môn Tịnh độ ra thì gọi là các pháp môn khác, *“các pháp môn khác, cao thì hạ căn tuyệt phân, thấp thì không hợp thượng căn”*. Năm xưa khi Thế Tôn còn tại thế, mỗi ngày đều giảng kinh thuyết pháp, ngài nói rất hay, là lời thật, không giả dối, ngài nói không có pháp nhất định để nói. Người có trình độ cao thì nói pháp cao cho họ, người có trình độ thấp thì nói cho họ pháp môn cần tu học trong cuộc sống thường ngày, tùy người mà khác biệt, tùy thời mà khác biệt, tùy nơi mà khác biệt, tùy việc mà khác biệt, không có pháp nhất định để nói. Cho nên, chỉ cần gặp được Thích-ca Mâu-ni Phật thì bạn chắc chắn được mãn nguyện, đây là sự tuyệt vời của đức Phật. Tất cả pháp mà ngài nói, bất luận là cao thấp sâu cạn, đều lưu lộ từ tự tánh, đức Phật trước giờ không bao giờ nói “nhìn người này, ta nên nói gì với họ”, ngài không có ý niệm như vậy. Vừa tiếp xúc thì ngài liền hiểu rõ, liền thông đạt, bạn có nêu câu hỏi hay không ngài đều biết, bạn hiện đang nghĩ điều gì, bạn muốn cầu điều gì, bạn muốn được điều gì, ngài hoàn toàn biết rõ. Đức Phật cả đời hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, trong kinh Lăng-nghiêm nói “tùy tâm chúng sanh mà ứng với khả năng lĩnh hội của họ”. Phật tuyệt đối không miễn cưỡng một người nào, Phật thật sự làm được tùy duyên bất biến, trong Hoàn Nguyên Quán nói là “tùy duyên diệu dụng”. Đức Phật trụ thế 80 năm, thị hiện cho chúng ta thấy tùy duyên diệu dụng, tuyệt diệu, diệu ở đây chính là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Cho nên nếu pháp môn cao thì người căn cơ trung hạ không hiểu; còn như giảng những điều rất nông cạn thì người thượng thượng căn không thích nghe. Giống như bạn dạy học vậy, bạn đối diện với học sinh lớp tiểu học, thì những học sinh trung học và tiểu học nghe rồi không hứng thú, họ bỏ đi hết, bạn giảng quá sâu; nếu bạn giảng quá cạn, bạn dạy

học sinh mầm non thì sinh viên đại học đứng bên cạnh cười rồi bỏ đi, họ cũng không nghe, vì sao vậy? Vì không khế cơ.

Cho nên đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, đây là kinh Nhất thừa, quá cao! Bạc La-hán và Thanh văn đều rút lui, họ nghe không hiểu. Tiếp theo nêu lên một thí dụ: “*Vì thế, trong hội Hoa Nghiêm như đui, ánh sáng đom đóm càng lu mờ*”. Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, bậc A-la-hán nghe không hiểu, như mù như điếc, bậc A-la-hán không phải là không có trí tuệ, song trí tuệ rất ít, giống như ánh sáng của đom đóm, ánh sáng của đom đóm dưới nền ánh sáng mạnh thì ánh sáng này không hiển thị được, chẳng hiển thị nổi, cho nên 5.000 tỷ-kheo đã rút lui. “*Chỉ một pháp này, thượng hạ đều thấu, có thể gọi là thuốc a-già-đà trị muôn bệnh, lò đúc ra ngàn vật*”, hai câu này là thí dụ. Trong hết thảy pháp môn, chỉ có pháp môn này là đặc biệt, căn cơ nào cũng đều có thể nhiếp thọ. Người thượng thượng căn nghe pháp môn này cảm thấy đầy ý vị, quyết định muốn cầu sanh Tịnh độ, muốn thân cận Di-đà, giống như các Bồ-tát Đẳng giác, Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí; người hạ hạ căn, như ông lão bà cụ không biết chữ, chưa từng đi học, nghe rồi cũng hoan hỷ. Câu A-di-đà Phật này không khó niệm, người nào cũng biết niệm, chỉ cần thật thà niệm thì không ai không vãng sanh, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì chính là hạ hạ căn cũng có thể đạt đến. Thế giới Tây Phương tuy có bốn cõi, nhưng trong bốn cõi này không có giới hạn, không có chướng ngại, sanh về một cõi là sanh về tất cả, vãng sanh hạ hạ phẩm sanh về cõi Phàm thánh đồng cư thì đồng thời cũng sanh về cõi Phương tiện, cõi Thật báo. Vì sao vậy? Vì trong cõi Phương tiện thấy các Bồ-tát, sống cùng với các ngài, cũng sống cùng các Bồ-tát Đẳng giác trong cõi Thật báo, cùng học một lớp. Một là tất cả, tất cả là một, đây là điều không thể thấy được trong tất cả cõi nước chư Phật mười phương. Việc này có trong giáo học thời xưa ở Trung Quốc, năm xưa khi Thích-ca Mâu-ni Phật dạy học cũng có, trình độ của học sinh cao thấp không đều, nhưng học cùng một lớp. Trong giáo học tư thục của Trung Quốc thời xưa, tuổi tác của học sinh không bằng nhau, từ 6-7 tuổi đến 18-19 tuổi, tuổi tác không bằng nhau, trình độ không như nhau, nhưng cùng học chung một lớp. Chế độ trường học ngày nay đã phân ra rồi, chia ra tiểu học trung học, chia ra trung học đại học, cũng phân ra cấp lớp, không như ngày xưa, ngày xưa hoàn toàn không phân ra, cùng học chung trong một lớp. Thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn như vậy, không hề thay đổi, thế giới của chúng ta thay đổi, nhưng thế giới Cực Lạc không thay đổi, bạn nghĩ xem không thay đổi là đạo lý gì vậy? Chẳng lẽ nơi đó không tiến bộ? Rốt cuộc sự thay đổi hiện

nay của chúng ta là tiến bộ hay thoái bộ? Phải nghiêm túc tư duy, tỉ mỉ quan sát, vì sao thế giới đó vẫn không thay đổi? Hai ví dụ sau của đại sư rất hay, “thuốc a-già-đà trị muôn bệnh”, ở Ấn Độ xưa có một loại thuốc tên là thuốc a-già-đà, thuốc này giống như vạn linh đơn của người Trung Quốc, bệnh gì cũng có thể chữa được, không hề có tác dụng phụ, có thể chữa muôn bệnh. “Lò đúc ra ngàn vật”, vật là vật đựng, lò đúc là lò luyện gang, ở đây nói các loại vật đựng khác nhau đều được đúc ra từ một lò. Lò lớn luyện gang, luyện gang, luyện kim, năm thứ kim loại của người Trung Quốc đều phải trải qua lò luyện thì mới thành vật đựng, chúng ta mới có thể dùng được.

“Lại nữa”, ngài lại nói, vẫn là lời trong Sớ Sao: *“Chỉ trì danh hiệu Phật, đều sanh về nước ấy, thì dù cao hay thấp, thánh hay phàm, cho đến hoặc tin hoặc nghi, hoặc khen hoặc chê, hễ biết có đức Phật ấy liền thành thiện căn, nhiều đời nhiều kiếp đều được giải thoát”*. Cao thấp ở đây là nói về căn tánh, trước mắt chúng ta, bất luận là trình độ của bạn cao hay trình độ của bạn thấp, hoặc bạn là thánh nhân, bạn là A-la-hán, bạn là Bồ-tát, hay bạn là phàm phu, phàm phu có phàm phu trời người, súc sanh cũng là phàm phu, ngạ quỷ địa ngục cũng là phàm phu. Hoặc là bạn tin, hoặc là bạn hoài nghi, hoài nghi cũng có thể vãng sanh, vì sao hoài nghi mà cũng có thể? Hoài nghi nhưng họ thật làm, không phải là họ không làm, họ thật niệm, họ niệm với tâm gì? Họ niệm với tâm hoài nghi, “tôi liều mạng niệm, xem có thể vãng sanh hay không, không được vãng sanh thì thôi, còn được vãng sanh thì càng tốt”. Họ niệm Phật với ý niệm như vậy. Sự siêng năng của họ tuyệt đối không kém người khác, cho nên họ có thể thành công, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc ở biên địa nghi thành, không tệ, cũng không thoái chuyển nữa. Ở biên địa nghi thành 500 năm thì họ giác ngộ, đoạn hết nghi hoặc, nghi hoặc đoạn rồi thì liền vào phẩm vị, họ ở phẩm vị nào? Cũng không nhất định, phải xem công phu của họ. Cho nên thật sự thành tựu, bốn cõi ba bậc chín phẩm đều ở trong một niệm, sau khi đoạn hết nghi, một niệm của người đó, nếu công phu của một niệm đó sâu thì phẩm vị lập tức được nâng cao, liền thăng tiến, không phải tiến theo từng cấp bậc, mà họ một lần có thể nâng phẩm vị lên rất cao. Đây là căn tánh của mỗi người không như nhau.

“Hoặc khen hoặc chê”, bạn tán thán A-di-đà Phật, bạn hủy báng A-di-đà Phật, khi vô tri, lúc không hiểu rõ mà bạn đã hủy báng, gặp được bạn lành giảng giải cho bạn, bạn hiểu rồi, bạn liền sám hối, bạn liền tán thán. Bất luận là hủy báng

hay tán thán, bạn biết có A-di-đà Phật thì trong a-lại-da của bạn có hạt giống A-di-đà Phật, đây chính là thiện căn. Đời này không thể thành tựu thì đời sau kiếp sau, “nhiều đời nhiều kiếp đều được giải thoát”, bạn có thiện căn này, sau này gặp được thiện duyên, bạn chắc chắn vãng sanh Tịnh độ. Cho nên trong pháp môn này thường nói rằng “một phen lọt qua tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo”. Bạn thấy được hình tượng của A-di-đà Phật, biết vị Phật này là A-di-đà Phật, nghe thấy âm thanh niệm Phật, nghe thấy câu kinh khi đọc tụng kinh điển thì đều hình thành nên hạt giống trong a-lại-da. Tổ sư đại đức gọi hạt giống này là hạt giống kim cang, vĩnh viễn không hư hoại, nhiều đời nhiều kiếp, kiếp nào đó bạn được thân người, lại gặp được pháp môn này thì có thể chín muồi. Đồng học Tịnh tông chúng ta phải biết rằng, chúng ta gặp được pháp môn này, chắc chắn không phải chỉ đời này mới nghe đến, mà trong kiếp quá khứ, nhiều đời nhiều kiếp, không biết đã gặp được bao nhiêu lần rồi, mới có được thiện căn như ngày nay. Vừa nghe liền hoan hỷ, vừa nghe liền có thể tiếp nhận, điều này chứng tỏ trong đời quá khứ bạn đã rất quen thuộc với pháp môn này. Vì sao khi đó không đi được? Chỉ vì một nguyên nhân là không buông xuống tình chấp, vẫn vương vấn thế gian này. Vương vấn nặng nhất chính là tình chấp, bạn không buông nó xuống, nếu không buông được cái này thì như thầy Lý nói, bạn sẽ không thể tránh khỏi luân hồi nhiều kiếp. Bạn ở trong lục đạo luân hồi rất không dễ gì gặp được Phật pháp, bạn nghĩ xem, nếu như kiếp sau bạn được thân người, toàn thế giới có hơn 6 tỉ người, bạn là một trong số đó, bạn sanh ở khu vực nào? Bạn có cơ hội nghe được Phật pháp không? Nghe được Phật pháp, nghe nói có Phật, nghe nói có Phật giáo, vậy bạn có biết có pháp môn Tịnh độ hay không? Không dễ, thật sự quá khó! Còn khó hơn trúng số độc đắc. Cho nên đời này chúng ta thật sự đã trúng số độc đắc, vì vậy bạn nhất định phải nắm chắc lấy, thật sự có thể nắm chắc được thì đời này bạn chắc chắn thành tựu. Pháp môn này rộng lớn, không quan tâm bạn là căn tánh gì, bạn nói tôi tu không giỏi, tu không giỏi cũng có thể đi được, chỉ cần thật sự có thể buông xuống vạn duyên, những chuyện tạp nhạp của thế gian này không còn vướng mắc nữa, vướng mắc những chuyện này nghĩa là bạn chưa đoạn được rễ của lục đạo luân hồi. Chuyện gì cũng phải buông xuống, trong tâm chỉ có Tây phương Tịnh độ, chỉ có A-di-đà Phật thì bạn chắc chắn được sanh, chắc chắn một đời thành tựu.

Cho nên sau cùng tổng kết, tổng kết ở đây rất hay. *“Còn như thời nay, nếu hỏi người nào đúng là bậc đương cơ”*, hiện nay bạn muốn hỏi, người như thế nào là bậc đương cơ của pháp môn Tịnh độ? Bậc đương cơ của pháp môn này, ngày

nay chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, bậc đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ. “*Bất luận nam nữ già trẻ, bất luận giàu sang nghèo hèn, thượng trí hạ ngu, tu lâu mới học*”, mới học là sơ học, “*túc căn lợi độn, thiện ác khác biệt*”, đều không cần bàn đến. “*Chỉ cốt sao đối với pháp môn này có thể sanh lòng tin chân thật*”, điểm then chốt của câu này là chữ “thật”, chân thật, không hề có chút hoài nghi nào, thật tin. “*Thật tin rồi phát nguyện*”, bạn thật tin thì bạn mới thật sự muốn cầu sanh Cực Lạc, thật sự hướng về thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở trong ba kinh Tịnh độ, ba kinh đều giới thiệu cho chúng ta về thế giới Cực Lạc, chúng ta nên nhìn nhận về ba kinh này như thế nào? Điều mà ba kinh nói đến là quê nhà của chúng ta, A-di-đà Phật giống như cha mẹ của chúng ta, các bậc thượng thiện và vô lượng vô biên Bồ-tát Đẳng giác giống như anh chị em của chúng ta. Bản thân chúng ta vô tri, bỏ nhà ra đi, chịu nhiều khổ nạn như thế, hiện nay biết được quê nhà tốt, liền nhanh chóng quay về, đừng chịu những khổ nạn đó nữa, rất oan uổng, không đáng! “*Từ nguyện khởi hạnh*”, hành như thế nào? Chính là hai câu dưới đây, “*phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm*”. Tâm Bồ-đề là tâm giác ngộ, không còn mê hoặc, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh độ, tâm này chính là tâm đại Bồ-đề. Một phương hướng là Tây phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, một lòng một dạ muốn thân cận A-di-đà Phật, người như thế chính là đương cơ.

Chúng ta suy nghĩ xem, chúng ta có muốn làm người như vậy hay không? Nói cho các đồng học biết, làm người như thế không khó, chuyện khó ở thế gian này là cầu người khó, lên trời khó, cầu người khó, còn chuyện này là cầu chính mình, không cầu người khác, bản thân mình thật sự hiểu rõ ràng sáng tỏ rồi thì vấn đề liền được giải quyết. Cho nên, vãng sanh thế giới Cực Lạc thì việc cần thiết đầu tiên là gì? Nghe kinh, việc này một chút cũng không giả. Năm xưa khi Thích-ca Mâu-ni Phật còn tại thế, 49 năm giảng kinh thuyết pháp, không luống qua một ngày nào, đó là gì? Đó chính là từ bi cứu thế, phổ độ chúng sanh. Hóa giải tai nạn của chính bạn, sự bần cùng, khốn khổ, bệnh tật của bạn, những việc bất hạnh xảy ra trong gia đình bạn, kinh điển sẽ dạy bạn. Ngày nay xã hội hỗn loạn, ngày nay tai biến khác thường, nếu bạn thật sự nghe kinh thì bạn có thể hóa giải. Phật đối với tất cả chúng sanh là từ bi vô tận, trí tuệ vô tận đều nằm trong kinh điển, bạn không nghe kinh thì bạn sẽ không hiểu, bạn không nghe kinh bạn sẽ không buông xuống. Nếu bạn hiểu rõ ràng sáng tỏ Phật pháp trong kinh điển thì không cần khuyên mà bạn tự nhiên sẽ buông xuống, không còn lưu luyến nữa, bởi vì bạn hiểu rõ, bạn giác ngộ rồi; bạn không chịu buông xuống, những thứ đó đều là rác, những thứ đó đều là

sai lầm. Bạn buông xuống rồi thì bạn trở về chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, bạn liền quay trở về, đó là thứ tự tánh sẵn có. Trí tuệ của bạn hiện tiền, bạn mới thật sự có năng lực giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn. Có thể giúp người khác thì đương nhiên là có thể giúp chính mình, giúp chính mình ngay trong đời này viên thành Phật đạo, chúng ta không cần phải kéo dài thời gian như thế. Hôm nay quả nhiên hiểu rõ ràng sáng tỏ rồi thì hiện nay chúng ta đồng một tâm với A-di-đà Phật, A-di-đà Phật là tâm gì? Là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, đây là tâm của A-di-đà Phật, ta tương đồng với ngài; đồng một nguyện vọng với A-di-đà Phật, “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, cụ thể nguyện vọng này chính là 48 nguyện nói trong trong phẩm thứ sáu của bộ kinh này, đồng nguyện với A-di-đà Phật; đồng giải với A-di-đà Phật là thật sự hiểu rõ ràng sáng tỏ bộ kinh này; nhất hướng chuyên niệm là đồng hạnh với A-di-đà Phật. Bạn xem bạn có bốn thứ đồng với A-di-đà Phật, đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hạnh, đây chính là hoàn toàn tương ưng, hoàn toàn tương ưng rồi, “một niệm tương ưng thì niệm ấy là Phật, niệm niệm tương ưng thì niệm niệm là Phật”, bạn không vãng sanh thì ai vãng sanh đây!

Bốn cõi ba bậc chín phẩm là xem tâm lượng của bạn, nếu bạn còn vì mình, vì chúng sanh trên địa cầu này thì bạn sanh về cõi Phạm thánh đồng cư, tâm lượng nhỏ! Nếu hiện nay bạn mở rộng tâm lượng, niệm niệm của tôi đều vì tất cả chúng sanh tận hư không khắp pháp giới, tôi không phải vì hệ ngân hà, tôi không phải vì hệ mặt trời, tôi tuyệt đối không chỉ vì địa cầu này, vậy bạn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc chắc chắn sanh về cõi Thật báo trang nghiêm, tâm lượng lớn như thế. Tâm lượng nhỏ, chỉ có địa cầu, ngoài địa cầu ra vẫn chưa nghĩ tới, thì là cõi Phạm thánh đồng cư. Cho nên ba bậc chín phẩm là xem tâm lượng của bạn, chứ không xem cái khác. Người thế gian chúng ta nói yêu người, yêu mình, yêu cha mẹ, yêu con cái, yêu người thân quyến thuộc, dần dần mở rộng đến bên ngoài. Những Bồ-tát thật sự giác ngộ đó, tình thương của các ngài bao la như số vi trần trong các cõi nước khắp hư không pháp giới, tình thương đó tràn đầy trong tự tánh, cho nên sức mạnh của các ngài rất lớn, ý niệm đó có thể chuyển cảnh giới, cảnh chuyển theo tâm liền hết sức rõ ràng. Bạn có thể thấy được ngay nơi thân của mình, nó không bị bệnh, vì sao vậy? Vì tất cả tế bào mang bệnh đều khôi phục trở lại bình thường. Quý vị phải biết rằng, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, đó là bình thường, trong tự tánh của bạn vốn sẵn có; tham sân si mạn nghi, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần không có trong tự tánh. Thứ không có trong tự tánh mà chúng ta chấp trước,

chấp trước thì sẽ có, nó liền sanh ra phiền phức, khiến cho tế bào trên cơ thể bạn mang bệnh tật, nhiễm vi-rút, vừa lây nhiễm từ bên ngoài thì liền sanh bệnh. Nếu bạn thay đổi tâm thái của mình, thường xuyên niệm những thứ trong tự tánh, những thứ hoàn toàn tương ứng với tánh đức là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, niệm những thứ này, bạn niệm những thứ này thì chính là phát tâm Bồ-đề, tế bào mang bệnh sẽ hoàn toàn hồi phục lại bình thường. Thật sự bình thường, hoàn toàn không khác với chư Phật Bồ-tát, thân tâm của bạn khỏe mạnh, người xưa thường nói “già mà không suy”, bạn sống đến 100-200 tuổi, tình trạng cơ thể của bạn giống như người trẻ vậy, không suy. Tâm thái đang làm chủ, không phải cái khác làm chủ.

Lại mở rộng ra, ngày nay chúng ta gọi là núi sông đất đai, gọi là thiên tai, nguyên nhân từ đâu? Vẫn là từ tâm thái của chúng ta, vì sao vậy? Bởi cảnh chuyển theo tâm. Cổ nhân Trung Quốc thường nói, hai câu này đã lưu truyền ngàn vạn năm, người hiện nay hình như ít nói đến. Khi tôi còn trẻ, trước 20-30 tuổi, rất nhiều người trong xã hội nói câu này, thường nghe nói “người phước ở đất phước, đất phước người phước ở”. Con người chỉ cần tu phước, bạn sống ở nơi này, nơi này không có phước báo, nói theo phong thủy thì không phải là nơi phong thủy tốt, bạn là người có phước ở đây ba năm thì phong thủy nơi đây đều chuyển biến, tự nhiên biến thành nơi phong thủy tốt. Vì sao vậy? Vì người có phước, có phước có tuệ, cảnh chuyển theo tâm, đây là sự thật. Nếu người không có phước, khởi tâm động niệm tự tư tự lợi, đúng sai ta người, tham sân si mạn, trái nghịch với luân lý đạo đức, người này không có phước. Dù nơi này có phong thủy tốt, họ ở nơi này ba năm thì nơi này sẽ trở nên xấu, có nhiều thứ gọi là thiên tai sẽ xảy ra. Lời này là do tổ tiên truyền lại, trải qua sự khảo nghiệm ngàn vạn năm, chứng minh lời nói này không sai, đó là sự thật. Trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, trong Phật pháp Đại thừa, không gì chẳng phải là “làm mà không thành, quay lại xét mình”, tuyệt đối không hướng ra ngoài cầu. Nếu có vấn đề, cá nhân gặp vấn đề, bị bệnh tật, trong nhà gặp khó khăn, sự nghiệp trắc trở, hoàn cảnh chúng ta sinh sống gặp phải khó khăn, thì làm thế nào? Phản tỉnh, chắc chắn có lỗi lầm, chắc chắn có nghiệp lực bất thiện, nghiệp lực bất thiện chiêu cảm đến tai hại. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta sám trừ nghiệp chướng, nghiệp chướng sám trừ rồi thì chúng ta sẽ thông đạt vô ngại, thông suốt không chướng ngại. Thông với ai vậy? Trong tôn giáo của phương Tây nói, thông với đấng tạo hóa; trong Phật pháp nói chúng ta thông với tự tánh; trong nhân gian trước đây của Trung Quốc nói thông với lão tổ tông, thông với quỷ

thần, vấn đề liền được hóa giải. Trong kinh này thật sự mà nói chính là tám chữ này, “phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm”, vậy vấn đề liền được giải quyết ngay.

Khi tôi giảng kinh, tôi nhớ tôi đã nói qua rất nhiều lần, nhà khoa học nói cho chúng ta biết, tổ chức cơ thể này của chúng ta là do tế bào tổ hợp thành, những tế bào này mỗi ngày đều thay cũ đổi mới, tế bào già tiêu mất, tế bào mới sanh ra. Bảy năm là một chu kỳ, mỗi ngày đều đang thay đổi, giống như đổi linh kiện máy móc vậy. Bảy năm đổi một lần, toàn bộ đều đổi hết, vậy sao không đổi cái mới? Vì sao không đổi cái tốt? Con người khi về già, tế bào không còn tốt nữa, có nghĩa là nó đã không đổi linh kiện tốt, nó đổi linh kiện bình thường, nó đổi linh kiện xấu, cho nên cơ thể càng ngày càng kém. Rốt cuộc tổng chỉ huy cho việc đổi linh kiện này là ai? Ý niệm, là ý niệm của bạn. Bạn xem con người đến 60-70 tuổi, già rồi, mỗi ngày đều nghĩ già nua, cho nên những tế bào được thay đổi, những tế bào mới toàn là tế bào già, toàn bộ đều mang mầm bệnh trong đó, cho nên già thì phải sanh bệnh, đều do ý niệm của bạn đổi. Bạn nghĩ xem, bạn có thể tìm được một người 70-80 tuổi mà mỗi ngày họ đều nghĩ mình mới khoảng 18-20 tuổi, họ có suy nghĩ như vậy không? Không có. Nếu họ thật sự có suy nghĩ như vậy, tôi tin rằng những tế bào mà họ đổi đều là mười mấy hai mươi tuổi, đều là tế bào mới, vì sao vậy? Vì sự sanh diệt của tất cả các tế bào đều do ý niệm làm chủ, nguyên nhân là ở chỗ này. Có người bị lão hóa tương đối chậm một chút, có người bị lão hóa rất nhanh, nguyên nhân do đâu? Đều do ý niệm. Năm xưa tôi ở Đài Loan, bạn bè đồng học rất nhiều, mọi người đều có việc làm, bận rộn với công việc, thường quên mất tuổi tác của mình, công việc rất bận, hằng ngày nghĩ đến công việc. Đến năm mươi mấy tuổi thì nghỉ hưu, 60 tuổi nghỉ hưu, nghỉ hưu rồi thì không có việc gì làm, lúc này mới nghĩ đến điều gì? “Mình già rồi, xã hội thay cũ đổi mới, thế hệ mình rút lui, thế hệ sau tiến lên”, họ liền nghĩ tới già. Hai năm không gặp mặt, khi chúng tôi gặp lại, tôi thấy mà giật mình, dường như họ đã già đi mười mấy hai mươi tuổi, nguyên nhân do đâu? Tâm thái. Cho nên các đồng học nhìn thấy tôi thì rất ngưỡng mộ. Ban đầu khi tôi học Phật, họ đều cười tôi, đều không đồng ý, vì sao một người thông minh như vậy lại hồ đồ, làm chuyện mê tín như thế? Chắc bị điều gì kích động, bị sốc chuyện gì, vì sao lại đi con đường này? Thế nhưng sau khi nghỉ hưu thì họ đều tán thán, “anh đi đúng đường rồi”. Họ thấy tôi lão hóa không nhanh như vậy, nguyên nhân do đâu? Tôi không nghĩ đến già, tôi cũng không nghĩ đến bệnh, mỗi

ngày tôi nghĩ đến những điều trong kinh giáo nói, tôi phải giảng bài cho mọi người nên ngày nào tôi cũng nghĩ đến những thứ này.

Kinh giáo vĩnh viễn không già, vĩnh viễn không suy, vĩnh viễn không thay đổi, tôi nói với quý vị đạo lý chính là ở đây. Quả nhiên sau khi khế nhập, hiện nay tôi đã có cảm giác, tôi cảm thấy cơ thể của tôi năm nay so với năm ngoái và năm trước đều tốt hơn; mỗi năm một tốt hơn, động tác không bị suy, tôi lễ Phật vẫn ở trên đất, không dùng tám đệm. Do tôi không nghĩ đến già! Nếu nghĩ đến già, nghĩ đến suy, nghĩ phải có người hầu hạ, thế thì phiền lắm, tôi thấy đều không nghĩ đến. Có một số cư sĩ bên cạnh tôi rất quan tâm đến tôi, thấy tôi lớn tuổi rồi, họ muốn tìm một thị giả, tôi nói không cần thiết, tôi vẫn có thể lo cho mình được. Lão cư sĩ Lý Bình Nam 95 tuổi mới đồng ý để mọi người tìm hai người đến chăm sóc, trước 95 tuổi thì thầy tự mình lo cho mình, không bị suy, có năng lực chăm sóc bản thân, đây là chứng tỏ cơ thể của mình không tệ, đâu cần người khác phải chăm sóc! Lớn tuổi rồi thì thật sự cử động nên cẩn thận một chút, động tác chậm một chút thì không đến nỗi xảy ra chuyện ngoài ý muốn, nên lưu ý cẩn thận, động tác nói năng đều chậm một chút, càng chậm càng tốt. Phải đoạn hết những tập khí nóng vội, người trẻ, đặc biệt là trong xã hội ngày nay, luôn là bộp chộp nóng vội, tuy mức độ không như nhau, nhưng đều có, đây là hiện tượng phổ biến. Bản thân chúng ta nghĩ xem, mình cũng có tập khí này, nhất định trong cuộc sống thường ngày phải lưu ý, phải học điềm đạm. Bạn xem tiên sinh Tăng Quốc Phiên, gia thư, gia huấn của ông dành cho con cháu trong nhà rất đáng đọc. Gia giáo của ông là từ nhỏ con cháu phải học cách điềm đạm, không được có mảy may tập khí nóng vội nào, đây chính là gia giáo. Hiện nay đều là nóng vội bộp chộp, không giống như người xưa. Cho nên bất luận trong cuộc sống, hay trong công việc, hết thầy mọi hoàn cảnh đều thay đổi, khiến chúng ta cảm nhận rõ ràng rằng cảnh chuyển theo tâm, lời này là thật, không phải giả. Chương này chúng ta học đến đây là xong.

Mời xem chương tiếp theo, chương thứ sáu, “*Tạng giáo sở nhiếp*”. Thế nào là tạng giáo? Phần mở đầu đã giải thích cho chúng ta: “*Phàm nghiên cứu thể hội kinh điển, trước hết phải biết kinh này thuộc tạng nào, được nói trong thời nào, phán định thuộc giáo nào? Biết rõ các điều này sẽ giúp ích cho việc lý giải toàn bộ kinh*”. Chúng ta xem đến đoạn này. Đây chính là nói ra chương này rất cần thiết, cần phải nói. Thể là thể hội, cứu là nghiên cứu, trong Phật pháp gọi là tham cứu. Tham cứu và nghiên cứu có chỗ nào không giống nhau? Người thế gian nói nghiên

cứu, trong nghiên cứu có tâm ý thức, cũng có nghĩa là gì? Là có phân biệt chấp trước. Tham cứu thì sao? Tham cứu thì không được dùng phân biệt chấp trước. Là vọng tưởng phân biệt chấp trước thì gọi là tham, trong đây xen tạp vọng tưởng phân biệt chấp trước thì gọi là nghiên cứu. Cho nên nghiên cứu là pháp thế gian, tham cứu là pháp xuất thế gian, hoặc nghiên cứu là thế pháp, tham cứu là xuất thế pháp, không giống nhau ở chỗ này. Tham cứu bằng cách nào? Bạn xem nhiều, nghe nhiều, bạn không có phân biệt, bạn không có chấp trước, bạn không có ý kiến, bạn không có phê bình, chúng ta nói theo thông thường thì gọi là thuần túy khách quan. Bạn có phân biệt chấp trước, bạn có ý kiến, có phê bình thì bạn có quan niệm chủ quan ở trong đó, quan niệm chủ quan là gì? Là kiến thủ kiến và giới thủ kiến trong năm loại kiến hoặc. Bạn xen tạp những thứ này ở trong đó, đây gọi là pháp thế gian. Cho nên chúng ta phải học, thấy rất rõ ràng, nghe rất sáng tỏ, nhưng không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, lại không phê bình, không bày tỏ ý kiến, không có ý kiến. Không ý kiến, không phê bình, vậy bạn mới có thể nhìn ra chân tướng sự thật, đó là trí tuệ; nếu xen tạp phân biệt chấp trước trong đó, thì thấy nghe hay biết của bạn, những điều bạn thấy là tri thức, không phải là trí tuệ. Tri thức và trí tuệ hoàn toàn không giống nhau, trí tuệ rất vi diệu. Cho nên người thời nay cầu trí tuệ không hề dễ dàng, họ quá nhiều ý kiến, họ thích phê bình, thích phát biểu ý kiến của mình, toàn là tri thức. Người thật sự có trí tuệ, người có hàm dưỡng, họ nhìn thấy nhưng không nói, nếu bạn không tỉnh giác họ thì họ sẽ không nói; nếu bạn tỉnh giác họ, họ sẽ tùy căn cơ mà thuyết pháp, xem trình độ của bạn là gì, bạn có thể tiếp nhận được bao nhiêu.

Học tập ngay trong cuộc sống hằng ngày, không rời khỏi cuộc sống, rời khỏi cuộc sống thì đến đâu để học? Năm mươi ba tham của Thiện Tài đồng tử là gì? Nghĩa là từ sáng thức dậy cho đến tối đi ngủ, hết thấy người việc vật mà bạn tiếp xúc trong một ngày chính là 53 tham, bạn thấy nam nữ già trẻ, các ngành các nghề. Thiện Tài đồng tử thật sự tham học, bạn đọc kỹ 53 tham này sẽ thấy ngài khiêm tốn lắng nghe, học tập, không có ý kiến. Sợ nhất là phê bình, Thiện Tài đồng tử trước giờ không phê bình, ngài toàn là tán thán, là cảm ơn, phải học điều này; tán thán là đã thấy được chân lý, cảm ơn là chính mình đã nâng cao cảnh giới. Tỳ-kheo Kiết Tường Vân đại biểu cho Bồ-tát Sơ trụ, Bồ-tát Phổ Hiền đại biểu cho viên mãn, một đời từ Sơ trụ cho đến viên mãn rốt ráo là 52 cấp bậc. Đây là biểu pháp, pháp chính là ở trong đời sống, trong công việc, trong đời nhân xử thế tiếp vật hằng ngày, 53 tham là sống động, không phải là chết cứng, là cuộc sống thực tế, làm thế nào để

ứng dụng Hoa Nghiêm vào trong cuộc sống thực tế? Thiện Tài đã biểu diễn ra. Ở đây nói bộ kinh này thuộc về tạng nào, đây là phân loại, Thích-ca Mâu-ni Phật nói kinh này vào lúc nào, phán định giáo học, giáo học giống như chương trình dạy học của chúng ta hiện nay, nên đặt nó ở trung học hay là đại học, nên để vào năm thứ mấy, khi nào thì dạy, đây là giáo dục. Bạn hiểu rõ như thế sẽ giúp cho việc lý giải toàn bộ kinh.

“Về việc phán định một đời thánh giáo, mỗi nhà có ý kiến khác nhau. Nói tóm lại thì có: ba tạng, hai tạng, năm thời, hai giáo và bốn giáo, năm giáo”. Đây là đại đức xưa phán định, tạng có ba tạng, hai tạng, nó thuộc về tạng nào? Được thuyết vào lúc nào? Có tổ sư đại đức nói là năm thời, điều này mọi người đều chấp nhận. Cả đời Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh dạy học, được chia làm năm giai đoạn, khi ngài khai ngộ, là ở trong định 14 ngày, 14 ngày ở trong định giảng Hoa Nghiêm. Người thế gian không biết được, A-la-hán của Tiểu thừa cũng không biết, cho nên người Tiểu thừa không thừa nhận sự việc này. Bồ-tát Đại thừa thì biết, người tham dự pháp hội này là 41 giai vị Pháp thân đại sĩ, các ngài không phải là Pháp thân Bồ-tát, Pháp thân Bồ-tát không có năng lực tham dự pháp hội này, vì đây là vào trong định của Như Lai để nghe pháp. Đại thừa thì tính đây là một thời, thời thứ nhất, Tiểu thừa không tính như vậy. Sau khi Thế Tôn xuất định, ở trong vườn Nai dạy năm tỷ-kheo, người Tiểu thừa bắt đầu tính từ đây, đây là thời A-hàm, 12 năm giảng A-hàm, đặt nền tảng tu học. 12 năm này là cấm rễ giáo dục, dạy bạn làm người, dạy bạn sanh lên trời, dạy bạn ra khỏi lục đạo luân hồi, chỉ đến đây thôi. Sau 12 năm này, đức Phật giảng Phương Đẳng, điều này phía sau có đề cập đến. “Phán thuộc giáo nào”, cổ nhân nói có hai giáo, có bốn giáo, có năm giáo, *“hễ giải thích kinh, trước hết cần phải phán định rõ ràng”*. Học tập kinh giáo, giảng giải kinh điển cho mọi người thì nhất định phải hiểu điều này, nếu không hiểu những điều này, bản thân mình còn chưa hiểu rõ thì sao bạn có thể giảng kinh rõ ràng sáng tỏ được. Trước đây học Thiên Thai, bốn giáo của Thiên Thai là Tạng - Thông - Biệt - Viên; học Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm lấy đại sư Hiền Thủ làm đại biểu, Hoa Nghiêm còn gọi là tông Hiền Thủ, Hiền Thủ có năm giáo là Tiểu - Thi - Chung - Đốn - Viên. Nếu bạn không hiểu rõ những điều này thì bạn không cách nào giảng được. Người hiện nay học kinh giáo không giảng những thứ này, đều không nói đến nghĩa của bốn giáo, năm giáo, đều không lý giải được. Ở thời đại hiện nay, chúng ta cũng phải đi theo thời đại, giảng bốn giáo, giảng năm giáo sẽ khiến cho người khác rối. Người thời nay rất quý thời gian, tranh thủ từng giây phút, bạn

giảng những điều này thì người ta không hoan hỷ, “tôi muốn đến nghe kinh, thầy giảng những thứ này tôi nghe không hiểu”, họ sẽ không đến nữa. Đây là căn tánh đã khác biệt, thời gian, nơi chốn, con người đều không như xưa nữa, chúng ta buộc phải tùy thuận. Thế nhưng chính mình không thể không hiểu, nếu bạn gặp một người thật sự trong nghề, họ hỏi bạn mà bạn không biết thì xong rồi, người ta lập tức nhìn bạn bằng ánh mắt khác, cho nên chính mình phải hiểu.

Ngày nay giảng kinh, trong các trường hợp thông thường chúng tôi cũng không giảng về bốn giáo, năm giáo, chúng tôi quy nạp bốn giáo, năm giáo lại thành ba phần, thứ nhất là nhân duyên giảng kinh, vì sao tôi giảng bộ kinh này, nhân duyên giảng kinh; thứ hai là tông chỉ của bộ kinh này, cũng gọi là tông thú, học tập bộ kinh này điểm quan trọng là chỗ nào, nêu rõ tông thú và công dụng; thứ ba là giảng đề kinh. Cho nên đã đơn giản hóa, một giờ đồng hồ thì có thể giảng rõ ba điều này, buổi thứ hai thì giảng đến kinh văn. Bạn xem chúng ta ở đây, phần khái yếu này, khái yếu chính là huyền nghĩa, chúng tôi đã giảng 60-70 giờ đồng hồ mà vẫn chưa giảng đến kinh văn. Họ nghe kinh, “tôi đến để nghe thầy giảng kinh, chứ không nghe thầy nói linh tinh, mất thời gian dài như thế mà vẫn chưa thấy được kinh văn”, khiến người sợ bỏ chạy. Cũng may đối diện với chúng tôi hiện nay đều là các đồng tu lâu năm, nhất là bộ kinh này trước đây chúng tôi đã giảng qua 10 lần, đây là lần thứ 11. Lần này chúng tôi không phải giảng kinh, chúng tôi giảng chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, ngài dùng “thập môn khai khai” của Hoa Nghiêm, mười môn này, môn nào chúng ta cũng học. Học đoạn này và kết cấu của kinh Hoa Nghiêm là như nhau, ngài hoàn toàn sử dụng kết cấu của kinh Hoa Nghiêm.

“Trong ba tạng thì kinh này thuộc về kinh tạng”, ba tạng là kinh tạng, luật tạng và luận tạng, nó thuộc về kinh tạng. Trong hai tạng, hai tạng là Bồ-tát tạng và Thanh văn tạng, nó thuộc về Bồ-tát tạng. Trong năm thời, nó thuộc về thời Phương Đẳng. Phương Đẳng là thời thứ ba, thứ nhất là thời Hoa Nghiêm, thứ hai là thời A-hàm, thứ ba là thời Phương Đẳng, đức Phật giảng kinh này ở thời Phương Đẳng. Nghĩa là giảng Hoa Nghiêm 21 ngày, giảng A-hàm 12 năm, giảng Phương Đẳng 8 năm; cũng chính là nói, Thích-ca Mâu-ni Phật giảng bộ kinh này là trong giai đoạn sau 12 năm và trước 20 năm, thuộc về thời Phương Đẳng, đây là Đại thừa, là sự khởi đầu của Đại thừa. Trong hai giáo, hai giáo là tiệm giáo và đốn giáo, tiệm là từ từ từng bước một, y theo thứ tự mà học tập, đốn giáo là siêu việt, kinh này thuộc về

đốn giáo. Bốn giáo là tông Thiên Thai nói, năm giáo là tông Hiền Thủ nói, trong bốn giáo có Viên giáo, gồm tạng thông biệt viên, trong năm giáo gồm tiểu thừa chung đốn viên; bốn giáo, năm giáo đều thuộc về Viên giáo, cho nên là Viên giáo Đại thừa. Trước tiên nêu cương mục, sau đó giảng kỹ thể nào gọi là ba tạng.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo, *“phần một, ba tạng”*. *“Về tạng, Đại Thừa Nghĩa Chương nói: bao hàm, chứa đựng gọi là tạng”*, ở đây giải thích ý nghĩa của từ tạng. Bao là bao gồm, chứa đựng, cất giấu, tích chứa, mang những nghĩa này ở trong, đây gọi là tạng. Tạng được chia làm ba loại, *“một là kinh tạng, tiếng Phạn là tu-đa-la, ở đây gọi là khế kinh”*. Thêm vào chữ “khế” vào trước chữ kinh này, vậy buộc phải có đủ hai điều kiện, trên khế với lý mà chư Phật đã nói, dưới khế với căn cơ chúng sanh được độ. Nghĩa là bên trên, lý mà chư Phật đã nói là tánh, chính là tự tánh, nó chắc chắn tương ưng với tánh đức, đây gọi là khế lý. Người hiện nay gọi là chân lý, điều được nói trong đây là chân lý, chân lý vượt qua thời gian và không gian, chân lý là vĩnh hằng bất biến. Ngoài ra nhất định phải thích hợp với đại chúng trong xã hội hiện nay, họ phải có khả năng học tập, nếu họ không thể học tập thì kinh này gọi là không khế cơ. Cho nên trong kinh tạng có rất nhiều loại kinh, có sâu có cạn, có kinh thích hợp với trình độ cao, có kinh thích hợp với người sơ học. Thế nhưng bộ kinh này thấy đều thích hợp, người học lâu, bậc tu lâu đều được, rất thích hợp với họ, hàng sơ học cũng được. Trước đó đã giảng, ba loại căn tánh thượng trung hạ thấy đều thích hợp. *“Hai là luật tạng, tiếng Phạn là tỳ-nại-da, đây gọi là điều phục”*. Luật tạng là giới luật, điều quan trọng của giới luật chính là quy luật, nhất định phải học tập. Những quy luật này đều tương ưng với tự tánh, có thể điều phục tập khí phiền não của chúng ta, khiến tập khí phiền não bị hàng phục thì bạn mới có thể tiếp nhận lời dạy của thánh hiền. Sau khi học tập lời dạy của thánh hiền, bạn giác ngộ rồi, sau khi giác ngộ thì tập khí phiền não của bạn được hóa giải. Cho nên giới luật là công phu bước đầu, sau đó có định, có tuệ, định tuệ có thể hóa giải tập khí phiền não của bạn, hóa giải thành trí tuệ. Khi mê thì trí tuệ biến thành phiền não, ngộ rồi thì phiền não biến thành trí tuệ. *“Ba là luận tạng”*, luận là thảo luận, *“tiếng Phạn là a-tỳ-đạt-ma, đây gọi là đối trị”*. Đây rất giống với nghiên cứu thảo luận mà người hiện nay nói, nghiên cứu thảo luận là trí tuệ, cho nên luận tạng là trí tuệ. Đối trị điều gì? Đối trị sanh tử, đối trị phiền não, đối trị ô nhiễm, khôi phục thanh tịnh bình đẳng giác.

“Trong ba tạng kinh luật luận, kinh này thuộc về kinh tạng”. Ở đây mọi người phải hiểu rằng, năm xưa Thích-ca Mâu-ni Phật còn tại thế giảng kinh thuyết pháp, ngài không phân ra tỉ mỉ như thế, đây là do tổ sư đại đức sau này phân ra. Chúng ta quan sát kỹ thì bạn liền hiểu, trong mỗi bộ kinh đều có kinh luật luận. Bạn xem trong bộ kinh này, những điều nói trong phẩm thứ tám dạy chúng ta “khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người; khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh không nhiễm”, đây là giới luật, những lời dạy như thế rất nhiều. Cho nên trong mỗi bộ kinh đều có kinh, đều có luật, đều có luận, những điều Thế Tôn thảo luận với đệ tử thầy đều có. Rốt cuộc nên phân ra thế nào? Xem phân lượng nhiều ít, xem bộ kinh này giảng về cái gì nhiều nhất, kinh giảng về định học, luật giảng về giới học, luận giảng về tuệ học, giảng về giới định tuệ, dùng điều này để phân. Bộ kinh này giảng về định nhiều, định là niệm Phật tam-muội, giảng về điều này nhiều, vậy nên quy về kinh tạng. Nếu giảng nhiều về phương diện giới luật, thì quy về luật tạng; thảo luận, giảng nhiều về tuệ, thì quy về luận tạng. Kinh luật luận được phân ra như vậy, không có cách nào phân một cách chặt chẽ được, bởi vì mỗi lần đức Phật giảng thì thầy đều nói đến.

Đoạn tiếp theo nói về hai tạng. “Hai tạng, Trí Độ Luận nói”, còn gọi là Đại Trí Độ Luận, nói rằng: “Tuy đều cầu một môn giải thoát mà có lợi mình lợi người khác biệt, cho nên có chúng Tiểu thừa và Đại thừa khác nhau. Do có hai loại người này nên với những lời Phật nói, dùng văn tự lời nói phân thành hai loại, chính là Thanh văn tạng và Bồ-tát tạng. Thánh giáo tuy nhiều, song không ngoài hai loại này”. Đây là phân loại lớn, năm xưa khi Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh thuyết pháp ở thế gian, phân loại lớn thì có hai bộ phận, một là Tiểu thừa, hai là Đại thừa, Tiểu thừa là Thanh văn tạng, giống như bậc tiểu học, Đại thừa là Bồ-tát tạng, giống như bậc đại học. Thời xưa hình như không nghe nói đến trung học, ở Trung Quốc chúng ta cũng vậy, đại học ở Trung Quốc gọi là thái học, có tiểu học và thái học. Đại khái trước 12 tuổi đều là học tiểu học, xây nền tảng. Trong đây, vì con người khi tuổi còn nhỏ trí nhớ rất mạnh, ít vọng niệm, không tiếp xúc nhiều với xã hội bên ngoài, giữ được sự ngây thơ, khả năng ghi nhớ tốt nhất, thế nên học thuộc lòng những thứ cần ghi nhớ trong đời này, đều học rất thuộc. Cho nên khi vào học ở thái học, thông thường rất ít dùng kinh sách, vì sao vậy? Vì thầy giáo thuộc rồi, học sinh cũng thuộc rồi, nhắc tới bộ sách nào thì mọi người đều biết cả, nếu bạn không biết thì bạn không thể vào nghe giảng, chỉ có khi nào bạn học qua, bạn học rất thuộc, thì khi vào trong đó bạn mới thật sự học được. Cho nên việc học của họ là

niềm vui, học rất hoan hỷ, học sinh có thể đưa ra câu hỏi thỉnh giáo thầy, thảo luận cùng bạn học. Những thứ cần học thuộc thì trước 12 tuổi đều phải học thuộc hết, sau này thì cầu học, cho nên thầy giáo đi dạy không mang theo sách, cũng không tham khảo sách. Mang theo cái gì? Mang theo rượu thịt, học sinh chọn người gan dạ, thầy giáo dẫn học sinh đi du lịch, đi chơi. Sự vui chơi đó đều là dạy học, bởi vì giảng câu chuyện trong lịch sử thì phải đi đến tận nơi, để bạn xem, đi xem hiện trường, trước đây đã xảy ra những chuyện gì, cho bạn ấn tượng sâu sắc. Đi du lịch, đi du lịch mấy tháng trở về, môn học đã dạy xong, cho nên học hành là niềm vui đích thực, đâu giống như học hành hiện nay, học thật đáng thương, học rất vất vả! Tiếp theo có phần ngoặc đơn, “*Duyên giác tính vào Thanh văn, nên chỉ có hai tạng*”.

“*Sớ của ngài Tịnh Ảnh nói, Bồ-tát Long Thọ nói: Sau khi Phật diệt độ, ngài Ca-diếp và A-nan ở thành Vương-xá kết tập pháp tạng thành Thanh văn tạng*”. Đây nói về nguồn gốc của Thanh văn tạng, chính là bộ phận kinh A-hàm trong Đại tạng kinh của chúng ta hiện nay. “*Ngài Văn-thù và A-nan ở núi Thiết Vi kết tập ma-ha-diễn thành Bồ-tát tạng*”. Kết tập kinh tạng, ngài A-nan đảm nhiệm phần phúc giảng, còn có một vị chủ trì, người chủ trì cho Thanh văn tạng là ngài Ma-ha-ca-diếp, vị chủ trì cho Bồ-tát tạng là Bồ-tát Văn-thù, các ngài làm người chủ trì, người phúc giảng đều là A-nan. Ngài A-nan giảng lại một lần tất cả kinh điển mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói khi còn tại thế, ghi chép lại lưu truyền cho đời sau, đây là kinh điển, nguồn gốc của kinh điển là như vậy. Do đó trong cửa Phật mấy ngàn năm nay bồi dưỡng pháp sư giảng kinh, đều dùng phương pháp này, phương pháp này đã được dùng 2.000 năm ở Trung Quốc, gọi là phúc giảng tiểu tòa. Ngày xưa ở tự viện mỗi ngày giảng kinh, đúng là giáo dục mà Thích-ca Mâu-ni Phật truyền lại, giáo dục Phật-đà, giáo học của Phật Bồ-tát, hằng ngày giảng kinh. Những học sinh phát tâm học giảng kinh ngồi ở hàng thứ nhất, ngồi gần thầy giáo nhất, hàng thứ nhất, vì sao vậy? Vì họ phải giảng lại, thầy giảng buổi sáng, có thể buổi chiều sẽ đến lượt họ lên giảng, giảng lại một lần những gì thầy đã giảng, đây là thời xưa. Những người thông thường nghe kinh cũng đến chùa ghi danh nghe kinh, nghĩa là chuyên nghe kinh, trong chùa có khách đường để tiếp đón họ, có phòng ốc để cung cấp cho họ, họ đến đó nghe kinh, thời gian là một bộ kinh, giảng xong một bộ kinh thì họ rời khỏi, họ đến để nghe một bộ kinh. Chùa thời đó hay, bởi vì kinh tế của chùa có thu nhập cố định, không nhờ vào tín đồ, những người đến nghe kinh đa số là tú tài nghèo, họ đến chùa ở 1-2 tháng, tùy tâm cúng dường một ít, khả năng của

họ có hạn, họ đến ở 2-3 tháng, chùa cho họ ăn ở, hằng ngày họ học tập kinh giáo. Đại khái người xuất gia cũng phải phúc giảng, lúc phúc giảng có khi thầy giáo nghe, có khi thầy giáo không nghe, nhưng thầy giáo sẽ nghe vài lần; các đồng học, đồng học có kinh nghiệm thì giống như học trò lớp trước, làm trợ giảng cho thầy. Thời đó chưa có danh từ trợ giảng, trên thực tế họ là trợ giảng, giúp các đồng học giải quyết vấn đề, thật sự học tập!

Thầy giảng xong một bộ kinh, những người học giảng kinh cũng phúc giảng xong, họ ra ngoài giảng sẽ có niềm tin. Các đời đều như thế, đến đời chúng tôi vẫn là học theo phương pháp xưa này. Thầy Lý mở lớp học ở Đài Trung, lớp học kinh, chính là dạy giảng kinh, thầy dạy mấy người? Dạy hai người, hai người này ngồi trước mặt thầy, còn lại hơn hai mươi học sinh khác ngồi xung quanh dự thính. Dự thính cũng phải học nghiêm chỉnh, cũng phải ghi chép, bởi vì khi đó không có máy thu âm, đương nhiên cũng không có máy thu hình, không có những thiết bị này, hình như là hơn 50-60 năm về trước. Ghi chép lại cho đồng học giảng kinh, giúp cho họ, bởi vì khi thầy giảng kinh thì họ không thể nào nhớ được hết, mọi người ghi chép lại, họ về nhà soạn ra, viết thành giảng ký, hoàn toàn là của thầy, tuyệt đối không được sử dụng ý của mình. Bạn phúc giảng thì mang giảng nghĩa này lên giảng, giảng cho ai nghe, giảng cho đồng học nghe, giảng cho thầy nghe, thầy và các bạn học cùng nghe. Tiết thứ hai không phải là thầy giảng kinh, mà là người học giảng kinh phúc giảng, sau khi giảng xong, các đồng học phê bình để giúp người này tiến bộ, thầy hướng dẫn, người ấy chỉnh sửa lại bài giảng một lần nữa. Sau khi chỉnh sửa xong, tiếp tục lên bục giảng công khai cho mọi người. Hai người lên pháp tòa, ở Đài Loan, một người giảng tiếng phổ thông, một người giảng tiếng Đài Loan, giống như là phiên dịch, kỳ thực là hai người sử dụng bài giảng giống nhau. Học sinh đã được bồi dưỡng ra như vậy.

Lớp học này của thầy Lý mở được 2 năm, thành tựu được hơn 20 học sinh. Tôi học ở lớp này một năm ba tháng, tôi dự thính, ngồi ở hàng cuối cùng, bởi vì tôi là học sinh cuối cùng đến lớp, sự sắp đặt chỗ ngồi của họ là y theo thứ tự trước sau, tôi đến sau cùng, cho nên chỗ ngồi của tôi là ở cuối cùng. Khi tôi còn trẻ có hai điều kiện tốt, một là trí nhớ rất tốt, tôi nghe diễn giảng một tiếng đồng hồ, nếu bảo tôi phúc giảng ngay thì ít nhất tôi cũng có thể giảng được 55 phút, tôi có năng lực này, trí nhớ tốt, trí nhớ có thể duy trì được một tuần lễ, tôi có năng lực này. Thứ hai là tôi có năng lực lý giải rất tốt, tôi hiểu được ý nghĩa trong đó, cho nên tiến độ học

tập của tôi rất nhanh, các bạn học khác nghe không hiểu, họ ngồi trước mặt thầy, còn tôi hiểu hết. Thầy giảng một lần, tuyệt đối không giảng lần thứ hai, nếu bạn hỏi thầy, thầy sẽ mắng bạn một trận, đôi khi còn đánh bạn, đánh rồi cũng không nói cho bạn biết, đều không giảng lại. Thầy nói: “Nếu tôi mắng anh, đánh anh rồi giảng lại cho anh thì anh vẫn còn tâm lý cầu may, không sao cả, cùng lắm bị la một trận, bị đánh một trận, thầy vẫn giảng cho mình biết”. Đánh rồi, mắng rồi mà không giảng, bạn sẽ không có cách nào. Đây là dạy bạn điều gì? Dạy bạn khi nghe giảng thì phải tập trung toàn bộ tinh thần mà lắng nghe, bạn không được có một vọng niệm, bạn bị sót một câu, bị sót một đoạn, thì tuyệt đối sẽ không giảng lại, đây là vấn đề khó. Các đồng học ấy không có cách nào, họ bèn đến hỏi tôi, tôi giảng cho họ, cho nên tôi đã giúp đỡ rất nhiều cho các đồng học giảng kinh. Tôi nghe được 13 bộ kinh, đại khái hơn một tháng, gần hai tháng, người này học xong bộ kinh này thì họ dự thính, tiếp tục hai người khác, luân phiên như thế, chúng tôi đã học như vậy. Cho nên những gì tôi nghe qua đều có thể phúc giảng, tôi có sở trường này, cho nên tôi học rất nhanh.

Sau một năm ba tháng thì tôi đi xuất gia, sau khi xuất gia thì tôi dạy ở Phật học viện, bắt đầu ra ngoài giảng kinh, tôi học 13 bộ kinh này rất hữu dụng, rất được hoan nghênh. Dạy ở Phật học viện được hơn một năm, chưa đến hai năm, tôi cảm thấy không được, nền tảng của tôi không dày, tôi học toàn là bộ kinh nhỏ, học được bộ lớn nhất là kinh Kim Cang và phẩm Phổ Hiền Bồ-tát Hạnh Nguyên, cũng tương đối lớn. Nhưng nền tảng không dày thì không được, tôi trở lại Đài Trung, học với thầy một bộ kinh lớn. Khi đó tôi chuẩn bị là kinh Pháp Hoa, tôi thu thập được mười mấy loại chú giải kinh Pháp Hoa, đều là chú giải xưa, mang đến Đài Trung, hy vọng thầy sẽ dạy tôi bộ kinh này. Đúng lúc đó thầy khai giảng kinh Lăng-nghiêm, thầy nói với tôi, phân lượng của Lăng-nghiêm và Pháp Hoa gần giống nhau, nghĩa lý trong kinh Lăng-nghiêm và kinh Pháp Hoa cũng rất gần, đều có thể nói là pháp môn viên đốn của Đại thừa. Thầy nói: “Nếu anh học Lăng-nghiêm thì tiện cho tôi hơn, nếu anh học Pháp Hoa thì tôi không có thời gian để dạy anh”. Tôi chấp nhận, đổi sang học kinh Lăng-nghiêm. Thầy giảng kinh Lăng-nghiêm vào tối thứ tư, tối thứ năm thì tôi phúc giảng, ba năm thầy giảng xong bộ kinh này, tôi cũng phúc giảng xong. Thính chúng của tôi có sáu người, sáu người đều là người giảng kinh, đều học giảng kinh, hơn nữa họ giảng cũng rất hay. Mỗi ngày sau khi tôi phúc giảng kinh Lăng-nghiêm, thì sáu bạn học này chỉ ra khuyết điểm cho tôi, giúp tôi sửa đổi. Cho nên năm 1977, các pháp sư người Hồng Kông mời tôi đến Hồng Kông

giảng kinh Lăng-nghiêm, tôi liền đồng ý, tôi đã giảng qua một lần. Quy củ học giảng kinh không thể không biết, phương pháp bồi dưỡng ra pháp sư giảng kinh đời đời truyền này của Trung Quốc quá hay, trường học ngày nay không thể nào sánh được. Họ được chọn ra từ trong thính chúng, thật sự có năng lực này, hội đủ hai điều kiện, một là khả năng ghi nhớ, hai là năng lực lý giải. Nếu bạn nghe một tiếng đồng hồ, bạn giảng không được 40 phút thì không đạt tiêu chuẩn, bạn không thể tham gia lớp học này, ít nhất là phải giảng được 40 phút thì mới xem là đạt tiêu chuẩn. Cách học tập của tôi thời đó, hầu như có thể giảng lại được 100%, thật sự người thông thường rất ít có.

Tiếp theo *“Địa Trì cũng nói”*, Địa Trì là một bộ kinh, *“Phật vì Thanh văn, Bồ-tát tu hành thoát đường khổ”*, hành là tu hành, đường khổ là nói về lục đạo luân hồi, A-la-hán và Bồ-tát làm thế nào ra khỏi lục đạo luân hồi, Phật nói những đạo lý, những phương pháp này cho họ biết, *“mà nói tu-đa-la”*, tu-đa-la là kinh. *“Người kết tập kinh chia làm hai tạng”*, sau khi Phật diệt độ, các đệ tử Thanh văn và Bồ-tát hy vọng đem lời dạy của Phật viết thành văn tự lưu truyền cho đời sau, giúp cho hàng hậu học đời sau, cho nên phát khởi việc kết tập, tức là chỉnh lý những tài liệu dạy học của Thế Tôn. Năm xưa Thế Tôn dạy học không có bài giảng, không có văn tự, nên nhất định phải nương vào việc phúc giảng, kết tập thành hai tạng. *“Kinh nói về việc tu hành của hàng Thanh văn là Thanh văn tạng, kinh nói đến việc tu hành của hàng Bồ-tát là Bồ-tát tạng”*, đây là nguồn gốc của kinh điển Đại thừa và Tiểu thừa. *“Kinh này rộng diễn Đại thừa, trình bày tường tận về nhân quả thù thắng của tín nguyện vãng sanh, y chánh trang nghiêm nơi cõi Phật tịnh độ, đạo phổ độ chúng sanh trong biển nguyện vô biên của Di-đà”*, đều ở trong bộ kinh này, cho nên bộ kinh này là Bồ-tát tạng sở nhiếp, nhiếp là thu nhiếp, thu vào Bồ-tát tạng, ngày nay chúng ta quen dùng từ thu kinh, nhiếp có nghĩa là thu nhiếp.

Đoạn tiếp theo nói về thời gian, *“năm thời”*. *“Đại sư Thiên Thai”*, chính là đại sư Trí Giả, *“dựa vào kinh Niết-bàn, chia cả đời giáo hóa của Như Lai thành năm thời”*, nghĩa là chia làm năm thời kỳ. *“Một là trong 21 ngày đầu tiên, Phật nói kinh Hoa Nghiêm”*, đây gọi là thời Hoa Nghiêm, vừa rồi tôi có nói với quý vị, người Tiểu thừa không thừa nhận. *“Thứ hai, 12 năm kế tiếp, nơi vườn Nai v.v.”*, vân vân là ở các nơi, 12 năm không phải chỉ ở vườn Nai, ban đầu là ở vườn Nai độ năm tỳ-kheo, *“giảng bốn kinh A-hàm của Tiểu thừa, gọi là thời A-hàm”*. Trong Tiểu thừa nói về đạo lý làm người, cũng chính là luân lý, đạo đức, nhân quả mà

chúng ta hiện nay nói, giảng con người vì sao ở trong lục đạo luân hồi, những lý sự nhân quả này đều giảng rất thấu triệt. Làm thế nào để thoát khỏi lục đạo luân hồi, giảng về nghiệp nhân quả báo trong lục đạo luân hồi, dạy con người làm thế nào không mất thân người, làm thế nào sanh về trời Dục giới, trời Sắc giới, trời Vô sắc giới, làm thế nào ra khỏi lục đạo luân hồi, những điển tịch giảng dạy này đều được gọi là thời A-hàm, kinh Tiểu thừa, thời A-hàm. *“Thứ ba, trong 8 năm kế tiếp, nói các kinh Duy-ma, Đại Tập, Lăng-nghiêm và kinh này v.v.”*, năm kinh Tịnh độ đều được nói trong thời này. *“Chê bai tà giáo, chỉ trích Tiểu giáo”*, ý nghĩa của chê bai và chỉ trích là như nhau. *“Khen ngợi Đại thừa, tán thán Viên giáo”*, lúc này Phật khuyến khích đại chúng nên bỏ Tiểu thừa, phải nâng cao hướng thượng. Tiểu thừa chỉ chứng quả A-la-hán, chỉ thoát khỏi lục đạo luân hồi, không ra khỏi mười pháp giới. Phật nói với đại chúng, ngoài luân hồi ra vẫn còn tứ thánh pháp giới gồm Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật. Lục đạo là ô nhiễm, tứ thánh pháp giới là thanh tịnh, hy vọng mọi người phát tâm, tiến thêm một bước nâng cao cảnh giới của mình, cho nên đã nói những kinh điển này. *“Nói rộng bốn giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên”*, rộng chính là phương trong từ “phương quảng”, *“bình đẳng độ khắp các căn cơ, nên gọi là thời Phương Đẳng”*. *“Thứ tư, lại trong 22 năm kế tiếp, nói các kinh Đại Bát-nhã, gọi là thời Bát-nhã”*. Phật giảng 22 năm, chúng ta mới biết được, Bát-nhã là trung tâm của Phật pháp, 12 năm thời A-hàm là giáo dục cắm rễ, Phương Đẳng là thời kỳ dự bị, nghĩa là thời kỳ quá độ từ Tiểu thừa tiến lên Đại thừa, cũng chính là khóa dự bị, lớp dự bị then chốt. *“Thứ năm, trong 8 năm sau cùng nói kinh Pháp Hoa”*, nói kinh Niết-bàn là lời dạy để lại, là lời di chúc, nói trong một ngày một đêm, đều tính vào thời thứ năm. Cho nên là năm thời kỳ, *“chín giới, ba thừa”*, chín giới là chín pháp giới, *“đều được thọ ký, bất luận Đại thừa hay Tiểu thừa, đều khiến làm Phật. Thời này gọi là thời Pháp Hoa, Niết-bàn”*. Kinh Pháp Hoa là kinh mà Thích-ca Mâu-ni Phật nói sau cùng, nói những gì? Chín giới, ba thừa đều được kinh Pháp Hoa nói đến, bất luận là Đại thừa hay Tiểu thừa, mục tiêu cuối cùng đều là làm Phật, đều là thành Phật, như kinh Hoa Nghiêm nói “hết thấy chúng sanh vốn là Phật”. *“Hơn nữa, kinh này được Thế Tôn nhiều lần tuyên thuyết, nên chẳng thể hạn cuộc trong một thời nào”*. Bộ kinh này rốt cuộc nói vào thời nào? Thích-ca Mâu-ni Phật dường như thời Phương Đẳng có nói đến, thời Bát-nhã cũng có nói đến, cho nên không thể phán nó thuộc vào thời kỳ nào, vì Thích-ca Mâu-ni Phật thường xuyên giảng bộ kinh này; nói cách khác, có thể nhân đây mà suy ra tầm quan trọng của bộ kinh này. Vì sao Phật phải giảng bộ kinh này? Vì

mong tất cả chúng sanh ngay trong đời này đều có thể viên mãn thành Phật, bộ kinh này là con đường thành Phật, ai cũng có phần, có thể tin, có thể nguyện, có thể hành thì sẽ thành công. Hôm nay hết giờ rồi, chúng ta học đến đây.